

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2013/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng
và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường***Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;**Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;**Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;**Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;**Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;**Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;**Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về quản lý
đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ
lưu thông trên thị trường.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; kinh doanh mua, bán vàng miếng.
2. Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được chỉ định.
3. Cơ quan quản lý có liên quan đến quản lý đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh vàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vàng trang sức, mỹ nghệ* là các sản phẩm vàng có hàm lượng vàng từ 8 Kara (tương đương 33,3%) trở lên, đã qua gia công, chế tác để phục vụ nhu cầu trang sức, trang trí mỹ thuật.
 2. *Hàm lượng vàng* (hay còn gọi là tuổi vàng) là thành phần phần trăm (%) tính theo khối lượng vàng có trong thành phần chính của sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ.
 3. *Kara (K)* là số phần của kim loại vàng (tính theo khối lượng) trong hai mươi bốn (24) phần của hợp kim vàng.
 4. *Độ tinh khiết* là số phần của kim loại vàng (tính theo khối lượng) trong một nghìn (1000) phần của hợp kim vàng.
- Việc quy đổi các đơn vị đo hàm lượng vàng được quy định tại Bảng 3 Thông tư này.
5. *Vàng tinh khiết* là kim loại vàng có độ tinh khiết lớn hơn 999 phần nghìn (‰) tính theo khối lượng.
 6. *Hợp kim vàng* là kim loại có thành phần gồm vàng và một hoặc các nguyên tố khác.
 7. *Hoạt động kinh doanh vàng* bao gồm: nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐO LƯỜNG TRONG KINH DOANH VÀNG

Điều 4. Đối với hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; kinh doanh mua, bán vàng miếng

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; kinh doanh mua, bán vàng miếng phải thực hiện các quy định về đo lường sau đây:

1. Cân được sử dụng để xác định khối lượng vàng hoặc hàm lượng vàng trong mua, bán giữa các tổ chức, cá nhân phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Có phạm vi đo và độ chính xác phù hợp với khối lượng vàng cần đo. Mức cân phải phù hợp với giá trị độ chia kiểm (e) quy định trong Bảng 1.

Bảng 1

Mức cân	Giá trị độ chia kiểm (e) của cân
Đến 500g	$\leq 1\text{mg}$
> 500g đến 3kg	$\leq 10\text{mg}$
> 3kg đến 10kg	$\leq 100\text{mg}$
> 10kg	$\leq 1\text{g}$

b) Đã được kiểm định tại tổ chức kiểm định được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật về đo lường; chứng chỉ kiểm định (dấu kiểm định, tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định) phải còn thời hạn giá trị.

2. Quả cân hoặc bộ quả cân được sử dụng kèm với cân để xác định khối lượng vàng trong mua, bán hoặc để định kỳ kiểm tra cân quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm yêu cầu sau:

a) Có khối lượng danh định và độ chính xác phù hợp với cân được sử dụng kèm hoặc cân kiểm tra;

b) Đã được kiểm định tại tổ chức kiểm định được chỉ định hoặc tổ chức được công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường; chứng chỉ kiểm định phải còn thời hạn giá trị.

3. Khối lượng vàng trong mua, bán với các tổ chức, cá nhân hoặc trong thanh tra, kiểm tra không được nhỏ hơn khối lượng công bố. Giới hạn sai số của kết quả phép đo khối lượng vàng phải bảo đảm yêu cầu quy định tại Bảng 2.

Bảng 2

TT (i)	Khối lượng vàng (m)	Giới hạn sai số (S)
<i>Theo gam (g)</i>		<i>Theo miligam (mg)</i>
1	30	12,5
2	50	17
3	100	30
4	200	56
5	300	81
6	500	131

TT (i)	Khối lượng vàng (m)	Giới hạn sai số (S)
<i>Theo kilôgam (kg)</i>		
7	1	240
8	1,5	350
9	2	425
10	3	575
11	5	900
12	6	1 050
		<i>Theo kết quả đo</i>
13	Lớn hơn 6	0,0175%

Giới hạn sai số của phép đo khối lượng vàng (m) không quy định cụ thể tại Bảng 2 được xác định như sau:

a) Đối với $m < 30\text{g}$, giới hạn sai số (S) được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến một (01) giá trị độ chia kiểm (e) của cân được sử dụng.

$$\square = (12,530 \square \square)$$

Ví dụ 1:

Kết quả phép đo khối lượng của một chiếc nhẫn bằng vàng là 7,5g (2 chỉ) khi sử dụng cân có $e = 1\text{ mg}$, giới hạn sai số (S) là:

$$S = \left(\frac{12,5}{30} * 7,5\right)\text{mg} \sim 3\text{mg}$$

b) Đối với $30\text{g} < m < 6000\text{g}$, giới hạn sai số (S) được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến một (01) giá trị độ chia kiểm (e) của cân được sử dụng:

$$S = (S_i + \frac{S_{i+1} - S_i}{m_{i+1} - m_i} * (m - m_i))$$

Trong công thức trên:

S : sai số cho phép lớn nhất;

m : khối lượng vàng;

m_i, m_{i+1} : hai giá trị khối lượng vàng liên kế với số thứ tự i và $i+1$ trong Bảng 2 bảo đảm điều kiện $m_i < m < m_{i+1}$;

S_i, S_{i+1} : giới hạn sai số trong Bảng 2 tương ứng với m_i, m_{i+1} ;

Ví dụ 2:

Kết quả phép đo khối lượng của một chiếc vòng bằng vàng là 86g ($m = 86g$) khi sử dụng cân có $e = 1mg$, từ Bảng 2, ta thấy $50g < 86g < 100g$.

Vì vậy:

$$m_2 = 50g, m_3 = 100g; S_2 = 17mg, S_3 = 30mg$$

Giới hạn sai số (S) là:

$$S = \left(17 + \frac{30 - 17}{100 - 50} * (86 - 50) \right) mg \sim 26mg$$

c) Đối với $m > 6kg$, giới hạn sai số (S) được tính bằng cách nhân kết quả phép đo với 0,0175% và được làm tròn đến một (01) giá trị độ chia kiểm (e) của cân được sử dụng.

Ví dụ 3:

Kết quả phép đo khối lượng của một thỏi vàng là 10kg khi sử dụng cân có $e = 100mg$, giới hạn sai số (S) là:

$$S = (10 \times 0,0175 \%)kg \sim 1,8g$$

4. Cân phải được người sử dụng tự kiểm tra định kỳ ít nhất một (01) tuần một (01) lần. Hồ sơ thực hiện việc tự kiểm tra định kỳ được lưu giữ tại địa điểm thuận lợi cho việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 5. Đối với hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ

Tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được chỉ định theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này phải thực hiện các quy định về đo lường sau đây:

1. Thiết bị xác định hàm lượng vàng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Có phạm vi đo phù hợp với hàm lượng vàng cần đo;
- b) Có giới hạn sai số không lớn hơn 1/2 giới hạn sai số của kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng quy định tại khoản 3 Điều này;
- c) Được hiệu chuẩn định kỳ một (01) năm một (01) lần tại tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn theo quy định của Luật Đo lường; giấy chứng nhận hiệu chuẩn phải còn thời hạn giá trị.

2. Chất chuẩn hàm lượng vàng được sử dụng để định kỳ kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị xác định hàm lượng vàng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Có giá trị hàm lượng vàng phù hợp với phạm vi đo của thiết bị xác định hàm lượng vàng cần kiểm tra, hiệu chuẩn;
- b) Độ không bảo đảm đo của giá trị hàm lượng vàng không lớn hơn 7/10 giới hạn sai số của thiết bị xác định hàm lượng vàng cần kiểm tra, hiệu chuẩn;

c) Đã được thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức cung cấp dịch vụ thử nghiệm chuẩn đo lường theo quy định của Luật Đo lường hoặc tại cơ quan quốc gia về chứng nhận chất chuẩn của nước ngoài hoặc tại phòng thí nghiệm đã liên kết chuẩn đo lường tới cơ quan quốc gia về chứng nhận chất chuẩn của nước ngoài. Giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) phải còn thời hạn giá trị.

3. Giới hạn sai số của kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ quy định cụ thể như sau:

- a) 1‰ đối với vàng có hàm lượng từ 99,9% trở lên;
- b) 2‰ với vàng hợp kim có hàm lượng từ 80% đến dưới 99,9%;
- c) 3‰ đối với vàng hợp kim có hàm lượng dưới 80%.

Chương III **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG** **VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

Điều 6. Yêu cầu chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ được phân hạng theo độ tinh khiết của vàng tương ứng với hàm lượng vàng được quy định trong Bảng 3.

Bảng 3

Kara (K)	Độ tinh khiết, % không nhỏ hơn	Hàm lượng vàng, % không nhỏ hơn
24K	999	99,9
23K	958	95,8
22K	916	91,6
21K	875	87,5
20K	833	83,3
19K	791	79,1
18K	750	75,0
17K	708	70,8
16K	667	66,6
15K	625	62,5
14K	585	58,3
13K	541	54,1
12K	500	50,0

Kara (K)	Độ tinh khiết, % không nhỏ hơn	Hàm lượng vàng, % không nhỏ hơn
11K	458	45,8
10K	416	41,6
9K	375	37,5
8K	333	33,3

2. Khi thực hiện phân hạng theo Kara, vàng trang sức, mỹ nghệ được phân hạng theo hạng thấp hơn liền kề với giá trị Kara thực tế xác định theo phân hạng danh định tại Bảng 3 (ví dụ vàng trang sức 21,5K thì xếp vào loại vàng 21K). Trường hợp phân hạng theo độ tinh khiết hoặc hàm lượng vàng thì công bố đúng giá trị thực tế (ví dụ vàng trang sức có hàm lượng vàng được xác định là 78,0% thì công bố là 78,0% hoặc 780).

3. Vật liệu hàn bằng hợp kim vàng nếu có sử dụng, phải có độ tinh khiết tối thiểu tương đương với hạng được công bố của sản phẩm vàng trang sức. Khi sử dụng vật liệu hàn không phải là hợp kim vàng hoặc thay thế bằng keo dán, phải được công bố rõ bao gồm cả lượng vật liệu sử dụng để gắn kết nếu làm ảnh hưởng đến khối lượng của sản phẩm lớn hơn sai số lớn nhất cho phép theo quy định tại Bảng 2 Điều 4 Thông tư này.

4. Vàng trang sức, mỹ nghệ có nhiều hơn một bộ phận chính (ngoại trừ vật liệu hàn và các bộ phận phụ như: chốt, ốc vít... nếu có) là hợp kim vàng với giá trị phân hạng khác nhau theo quy định tại Bảng 3 Điều này sẽ được phân hạng theo thành phần có phân hạng thấp nhất.

5. Vàng trang sức, mỹ nghệ được phép sử dụng kim loại nền bằng hợp kim khác với hợp kim vàng để tăng cường độ bền cơ lý mà hợp kim vàng không đáp ứng được.

Kim loại nền phải được xử lý bề mặt sao cho không gây nhầm lẫn về ngoại quan với thành phần là hợp kim vàng. Việc sử dụng kim loại nền khác với hợp kim vàng phải được nêu rõ trong công bố về thành phần của sản phẩm.

6. Sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ nếu có sử dụng vật liệu phủ bằng kim loại (khác với vàng) hay phi kim loại với mục đích trang trí, lớp phủ phải đủ mỏng để không ảnh hưởng đến khối lượng của vật phẩm. Nếu khối lượng lớp phủ lớn hơn sai số lớn nhất cho phép về khối lượng theo quy định tại Bảng 2 Điều 4 Thông tư này thì phải được nêu cụ thể trong công bố về thành phần và chất lượng của sản phẩm.

7. Sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ nếu có sử dụng vật liệu nhồi hoặc làm đầy chỗ trống phải được công bố cụ thể và công bố rõ sản phẩm không được làm toàn bộ từ hợp kim vàng.

8. Tất cả các thành phần của vàng trang sức, mỹ nghệ (bao gồm cả kim loại nền, vật liệu phủ, vật liệu hàn, vật liệu gắn kết...) không được chứa các thành phần độc hại hoặc gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng vượt quá ngưỡng cho phép theo các quy định hiện hành có liên quan.

9. Hàm lượng vàng trong sản phẩm (hoặc trong thành phần có chứa vàng) của vàng trang sức, mỹ nghệ không được thấp hơn giá trị hàm lượng đã công bố. Giới hạn sai số của kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

10. Vàng trang sức, mỹ nghệ chỉ được phép lưu thông trên thị trường khi đã công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 7. Công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn đối với vàng trang sức, mỹ nghệ

1. Tiêu chuẩn công bố áp dụng là tập hợp các thông số kỹ thuật và thông tin bắt buộc theo quy định tại Thông tư này hoặc nội dung cần thiết khác về sản phẩm do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ tự công bố (dựa trên tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn cơ sở).

2. Tiêu chuẩn công bố phải bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

a) Thông tin về sản phẩm và nhà sản xuất, phân phối:

- Tên hàng hóa (ví dụ: lắc đeo tay, dây chuyền, nhẫn vàng, nhẫn đính kim cương...);
- Tên, địa chỉ của tổ chức hoặc cá nhân sản xuất, hoặc nhà phân phối đại diện cho thương hiệu của sản phẩm;

- Nhãn hiệu hàng hóa, mã ký hiệu sản phẩm;

- Số Giấy đăng ký độc quyền kiểu dáng công nghiệp, đăng ký nhãn hiệu... (nếu có);

b) Yêu cầu kỹ thuật:

- Khối lượng vàng hoặc thành phần hợp kim có chứa vàng của sản phẩm và khối lượng của vật gắn trên vàng trang sức, mỹ nghệ (ví dụ: kim cương, saphia, ruby...);

- Hàm lượng vàng (tuổi vàng) (ví dụ 999 hoặc 99,9% hoặc 24K) trong thành phần của sản phẩm (hoặc trong phần hợp kim chủ yếu của sản phẩm nếu có nhiều hơn một thành phần);

- Các mô tả đặc điểm riêng của vàng trang sức, mỹ nghệ:

- + Kiểu dáng, kích cỡ;

- + Vật liệu gắn trên vàng (ví dụ: đá quý);

- + Sản phẩm là vàng nguyên khối, đồng nhất;

- + Sản phẩm là kim loại nền khác được bọc hoặc mạ vàng kèm theo thông tin về kim loại nền;

+ Vật liệu hàn, vật liệu kết dính... (nếu có sử dụng theo quy định tại Điều 6 Thông tư này);

+ Sản phẩm có phần đúc rỗng không nhồi, làm đầy hoặc được nhồi, làm đầy bằng vật liệu khác kèm theo thông tin về vật liệu nhồi, làm đầy;

+ Sản phẩm vàng có nhiều thành phần khác nhau và thông tin cụ thể;

+ Phương pháp (đúc, thủ công, tự động).

- Cam kết về việc không sử dụng các chất độc hại cho sức khỏe của người sử dụng trong sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan.

c) Ghi ký hiệu đối với vàng trang sức, mỹ nghệ:

- Ký hiệu “G.P” nếu sản phẩm là vàng bọc, phủ, mạ trên kim loại nền khác;

- Ký hiệu “G.F” nếu sản phẩm được nhồi hay làm đầy chỗ trống bằng vật liệu khác và không phải toàn bộ vật phẩm được sản xuất từ vàng hay hợp kim vàng với cùng phân hạng độ tinh khiết;

- Ký hiệu “C” nếu sản phẩm có lớp phủ mỏng bằng vật liệu phi kim loại và trong suốt;

- Ký hiệu “P” nếu có lớp phủ mỏng bằng kim loại hay hợp kim khác không chứa vàng;

- Nếu sản phẩm là vàng được phủ trên nền hợp kim khác hoặc vật liệu khác bằng các phương pháp khác nhau (phủ, dán, cuốn, bọc, mạ...) với tổng lượng vàng (tính theo vàng nguyên chất) từ 1/40 khối lượng của vật phẩm trở lên, cần phải ghi thêm tỷ lệ của lượng vàng so với tổng khối lượng của vật phẩm kèm theo các ký hiệu G.P hoặc G.F nêu trên (ví dụ: 1/40 G.P 24K, 1/20 G.F 18K...).

d) Thông tin khác (nếu có để làm rõ về sản phẩm hoặc để tránh gây hiểu nhầm).

3. Việc công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ do tổ chức, cá nhân tự thực hiện theo một trong các cách sau đây:

a) Trên bảng niêm yết giá vàng trang sức, mỹ nghệ;

b) Trên bao bì của sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ;

c) Trên nhãn hàng hóa của sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ;

d) Trên tài liệu kèm theo sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ.

4. Ghi nhãn đối với vàng trang sức, mỹ nghệ:

a) Yêu cầu chung:

- Việc ghi nhãn vàng trang sức, mỹ nghệ phải được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn

hàng hóa. Vị trí nhãn vàng trang sức, mỹ nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 89/2006/NĐ-CP;

- Nhãn vàng trang sức, mỹ nghệ được thể hiện trực tiếp trên sản phẩm bằng cách khắc cơ học, khắc la-de, đục chìm, đúc chìm, đúc nổi hoặc bằng phương pháp thích hợp (nếu kích thước và cấu trúc sản phẩm đủ để thực hiện) hoặc thể hiện trên tài liệu đính kèm sản phẩm;

- Độ tinh khiết hay hàm lượng vàng theo phân hạng quy định tại Điều 6 Thông tư này phải được ghi rõ tại vị trí dễ thấy trên sản phẩm bằng số Ả Rập chỉ số phần vàng trên một nghìn (1000) phần khối lượng của sản phẩm (ví dụ: 999 hoặc 916...) hoặc bằng số Ả Rập thể hiện chỉ số Kara kèm theo chữ cái K (ví dụ: 24K hoặc 22K...) tương ứng với phân hạng theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Trường hợp sản phẩm có kích thước không thể thể hiện trực tiếp được thì hàm lượng vàng công bố phải được ghi trên nhãn đính kèm. Trường hợp sản phẩm có từ hai thành phần trở lên với hàm lượng vàng khác nhau, có thể nhận biết sự khác nhau qua ngoại quan thì việc ghi hàm lượng vàng được thể hiện trên phần có hàm lượng vàng thấp hơn;

- Đối với vàng trang sức, mỹ nghệ nhập khẩu, ngoài nhãn gốc ghi bằng tiếng nước ngoài, phải có nhãn phụ bằng tiếng Việt thể hiện các thông tin ghi nhãn theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này và xuất xứ hàng hóa.

b) Nội dung ghi nhãn:

- Nhãn in đính kèm với sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ phải bao gồm các nội dung sau:

- + Tên hàng hóa (ví dụ: lắc đeo tay, dây chuyền, nhẫn vàng, nhẫn đính kim cương...);
- + Tên, mã ký hiệu của tổ chức, cá nhân sản xuất (ví dụ: PAJ, SJC, DOJ...);
- + Hàm lượng vàng (tuổi vàng) được thể hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này (ví dụ: 999 hoặc 99,9% hoặc 24K);

- + Khối lượng vàng và khối lượng của vật gắn trên vàng trang sức, mỹ nghệ (ví dụ: kim cương, saphia, ruby...);

- + Ký hiệu của sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

- Cách thức ghi nhãn trực tiếp trên vàng trang sức, mỹ nghệ (nếu kích thước sản phẩm phù hợp):

- + Mã ký hiệu sản phẩm (ví dụ: PAJ, SJC, DOJ...);
- + Hàm lượng vàng (tuổi vàng) được thể hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này (ví dụ: 999 hoặc 99,9% hoặc 24K);

- + Ký hiệu của sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 8. Nguyên tắc lấy mẫu và phương pháp thử nghiệm xác định hàm lượng vàng

1. Nguyên tắc lấy mẫu phục vụ việc thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng do tổ chức thử nghiệm này quy định.

2. Nguyên tắc lấy mẫu phục vụ việc thanh tra, kiểm tra vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường:

a) Việc lấy mẫu được thực hiện khi hàng hóa có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng hoặc có khiếu nại, tố cáo. Phương án lấy mẫu phải được cân nhắc và quyết định phù hợp với mục đích, yêu cầu và bảo đảm tính khách quan, minh bạch;

b) Mẫu được lấy phải đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu theo yêu cầu của phương pháp thử nghiệm quy định tại Phụ lục I Thông tư này. Nếu sản phẩm gồm nhiều phần có thể tách rời, một đơn vị mẫu phải bao gồm đủ các phần cấu thành sản phẩm khi mua, bán hay trao đổi;

c) Khi lấy mẫu, cơ quan thanh tra, kiểm tra phải lập biên bản lấy mẫu (theo Mẫu 1a.BBLM quy định tại Phụ lục II Thông tư này). Biên bản lấy mẫu và niêm phong mẫu phải được xác nhận bởi đại diện có thẩm quyền của các bên liên quan và người chứng kiến (nếu cần).

Trường hợp đại diện tổ chức, cá nhân được lấy mẫu không ký biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu thì cơ quan thanh tra, kiểm tra ghi rõ trong biên bản “đại diện cơ sở không ký biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu”. Biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu có chữ ký của người lấy mẫu và trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý.

3. Phương pháp xác định hàm lượng vàng của vàng trang sức, mỹ nghệ được quy định trong Phụ lục I Thông tư này. Việc thử nghiệm vàng trang sức, mỹ nghệ phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 9. Chỉ định tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng

1. Yêu cầu đối với tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng được chỉ định:

a) Phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và Thông tư số 11/2011/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN;

b) Phải đáp ứng các yêu cầu về đo lường quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng:

a) Tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng khi có nhu cầu tham gia hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng phục vụ quản lý nhà nước cần lập một (01) bộ hồ sơ đăng ký và nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Giấy đăng ký chỉ định thử nghiệm xác định hàm lượng vàng (theo Mẫu 2.ĐKCD quy định tại Phụ lục II Thông tư này);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm;

- Danh sách thử nghiệm viên đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này (theo Mẫu 3.DSTNV quy định tại Phụ lục II Thông tư này) kèm theo các bằng chứng chứng minh về đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ;

- Danh mục tài liệu, tiêu chuẩn phục vụ thử nghiệm vàng trang sức, mỹ nghệ (theo Mẫu 4.DMTL-TC quy định tại Phụ lục II Thông tư này) kèm theo quy trình thử nghiệm xác định hàm lượng vàng;

- Danh mục máy móc, thiết bị và chất chuẩn phục vụ việc thử nghiệm xác định hàm lượng vàng (theo Mẫu 5.DMTB-CC quy định tại Phụ lục II Thông tư này) và kèm theo bản sao bản chính giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy chứng nhận chất chuẩn, kết quả tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo so sánh liên phòng (đối với thử nghiệm hàm lượng vàng) và các tài liệu khác liên quan (nếu có);

- Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm.

c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiến hành xem xét hồ sơ và ra quyết định chỉ định (theo Mẫu 6.QĐCD quy định tại Phụ lục II Thông tư này) cho tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu theo quy định. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định không quá ba (03) năm.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu, cần phải đánh giá thực tế, trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiến hành thẩm xét hồ sơ, cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá để tổ chức đánh giá thực tế tại tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng. Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng bảo đảm.

Căn cứ hồ sơ đăng ký, biên bản đánh giá thực tế và kết quả thực hiện hành động khắc phục đạt yêu cầu, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ra quyết định chỉ định (theo Mẫu 6.QĐCD quy định tại Phụ lục II Thông tư này) cho tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định không quá ba (03) năm.

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phải thông báo lý do từ chối bằng văn bản cho tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng;

d) Ba (03) tháng trước khi quyết định chỉ định hết hiệu lực, nếu có nhu cầu, tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng làm thủ tục đăng ký lại theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Điều 10. Đình chỉ và hủy bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng

1. Đình chỉ hiệu lực của quyết định chỉ định khi tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng vi phạm một trong các trường hợp dưới đây:

- a) Không tuân thủ quy trình, thủ tục thử nghiệm đã quy định;
- b) Không duy trì đúng các điều kiện và yêu cầu đối với tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng quy định tại Thông tư này.

2. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định khi tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng vi phạm một trong các trường hợp dưới đây:

- a) Bị giải thể, phá sản hoặc vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
 - b) Sự vi phạm mang tính lặp lại có ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc tuân thủ các điều kiện và yêu cầu đối với tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng;
 - c) Có bằng chứng về việc khai báo không trung thực trong hồ sơ thử nghiệm xác định hàm lượng vàng;
 - d) Không thực hiện việc thử nghiệm xác định hàm lượng vàng nhưng vẫn cấp kết quả thử nghiệm;
 - đ) Có văn bản đề nghị không tiếp tục cung cấp dịch vụ thử nghiệm xác định hàm lượng vàng;
 - e) Bị đình chỉ hiệu lực của quyết định chỉ định nhưng không hoàn thành việc khắc phục trong thời gian đình chỉ ghi trong thông báo đình chỉ.
3. Tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng bị hủy bỏ quyết định chỉ định chỉ được xem xét chỉ định lại sau một (01) năm, kể từ khi có thông báo hủy bỏ hiệu lực và đã khắc phục các vi phạm.

Chương IV
HƯỚNG DẪN THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM
VỀ ĐO LƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG

Điều 11. Thanh tra, kiểm tra

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ và tổ chức, cá nhân kinh doanh mua, bán vàng miếng chịu sự thanh tra, kiểm tra về đo lường và chất lượng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ trong sản xuất được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

3. Việc thanh tra, kiểm tra đối với chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ và đối với hoạt động đo lường trong kinh doanh vàng phải thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền và các quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

4. Việc thử nghiệm mẫu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện bằng phương pháp không phá hủy mẫu quy định tại Phụ lục I Thông tư này và chi phí thử nghiệm do cơ quan thanh tra, kiểm tra chi trả.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không nhất trí với kết quả thử nghiệm mẫu, trong thời gian hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thử nghiệm mẫu không đạt yêu cầu chất lượng, tổ chức, cá nhân có thể đề nghị bằng văn bản với cơ quan thanh tra, kiểm tra thử nghiệm lại đối với mẫu vàng trang sức, mỹ nghệ đã được thử bằng phương pháp không phá hủy trước đó tại tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được chỉ định khác. Việc thử nghiệm mẫu trong trường hợp này cũng được thực hiện bằng phương pháp không phá hủy mẫu quy định tại Phụ lục I Thông tư này. Chi phí thử nghiệm mẫu này do tổ chức, cá nhân chi trả.

Trong trường hợp mẫu vàng trang sức, mỹ nghệ không thử nghiệm được bằng phương pháp không phá hủy mẫu thì các bên thống nhất lựa chọn thử nghiệm bằng phương pháp phá hủy mẫu quy định tại Phụ lục I Thông tư này. Chi phí thử nghiệm mẫu này do tổ chức, cá nhân chi trả.

Kết quả thử nghiệm lần hai là căn cứ để cơ quan thanh tra, kiểm tra xử lý, kết luận cuối cùng.

Đối với các mẫu sau khi thử nghiệm phục vụ việc thanh tra, kiểm tra, tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được chỉ định phải lập biên bản giao trả lại mẫu và các phần mẫu còn lại (nếu có) cho cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan thanh tra, kiểm tra phải thực hiện việc giao trả mẫu và các phần mẫu còn lại này (nếu có) cho tổ chức, cá nhân.

Điều 12. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ và tổ chức, cá nhân kinh doanh mua, bán vàng miếng vi phạm các quy định tại Thông tư này bị xử lý vi phạm về chất lượng và đo lường theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Đo lường. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm hành chính sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH VÀNG,
TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC****Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh vàng**

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đo lường trong kinh doanh vàng:

- a) Tuân thủ và thực hiện các quy định về đo lường quy định tại Thông tư này;
- b) Tuân thủ quy định về sử dụng đơn vị đo; thực hiện đúng nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đo lường khi tham gia hoạt động đo lường trong sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ và kinh doanh mua, bán vàng miếng;
- c) Thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đo lường để người có quyền và nghĩa vụ liên quan có thể kiểm tra phương pháp đo, kết quả đo khối lượng vàng cung cấp cho khách hàng;
- d) Lưu giữ hồ sơ tự kiểm tra đối với cân, quả cân và thiết bị xác định hàm lượng vàng theo quy định;
- đ) Chịu sự thanh tra, kiểm tra về đo lường theo quy định của pháp luật và tuân thủ quyết định kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ:

- a) Tuân thủ và thực hiện các quy định về quản lý đo lường và chất lượng theo quy định tại Thông tư này;
- b) Chỉ kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và được đóng mã ký hiệu, hàm lượng vàng trên từng sản phẩm;

c) Phải thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn theo quy định tại Thông tư này; niêm yết công khai tại nơi kinh doanh tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để người tiêu dùng biết, lựa chọn khi mua, bán;

d) Phải lưu giữ hồ sơ chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ, bao gồm:

- Kết quả kiểm tra, thử nghiệm hàm lượng vàng theo tiêu chuẩn công bố;
- Tiêu chuẩn công bố áp dụng;
- Tài liệu, bằng chứng về việc ghi nhãn đối với vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này (ví dụ: nhãn hàng hóa được đính kèm sản phẩm; ảnh chụp mẫu sản phẩm có thể hiện phần ký hiệu ghi nhãn; giấy biên nhận kiểm bảo hành hàng hóa có các thông tin liên quan đến nội dung ghi nhãn...);

đ) Chịu trách nhiệm và bảo đảm chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ bán cho người tiêu dùng phù hợp với tiêu chuẩn công bố, các quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan;

e) Chịu sự thanh tra, kiểm tra về chất lượng và ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật và tuân thủ quyết định thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được chỉ định

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Trường hợp vi phạm quy định của Thông tư này hoặc quy định tại Điều 20 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kết quả hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng (theo Mẫu 7. BCKQTN quy định tại Phụ lục II Thông tư này).

3. Thông báo cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về mọi thay đổi có ảnh hưởng tới năng lực hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 15. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Phê duyệt mẫu phương tiện đo; chứng nhận chuẩn đo lường; cấp giấy chứng nhận đăng ký và chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo quy định của pháp luật về đo lường. Quản lý, kiểm tra và giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của các tổ chức được chỉ định.

2. Chỉ định tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng có đủ năng lực thực hiện việc thử nghiệm xác định hàm lượng vàng theo quy định của Thông tư này. Quản lý, kiểm tra và giám sát hoạt động thử nghiệm của các tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được chỉ định. Đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định nếu tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được chỉ định vi phạm các quy định tại Thông tư này.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về đo lường, chất lượng cho các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại Thông tư này.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trong việc triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn địa phương.

2. Phê duyệt kế hoạch thông tin, tuyên truyền; kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo quy định tại Thông tư này về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn địa phương.

3. Chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn địa phương theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Trách nhiệm của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về đo lường, chất lượng cho các tổ chức, cá nhân liên quan trong kinh doanh vàng theo kế hoạch đã được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Thực hiện việc kiểm tra nhà nước về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn địa phương theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan; phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thanh tra về đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị

trường địa phương theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tình hình kiểm tra về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn địa phương.

Điều 18. Trách nhiệm của Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc thanh tra về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn địa phương theo quy định tại Thông tư này.

2. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình thanh tra về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn địa phương.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn mới.

2. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Việt Thanh

Phụ lục I
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH HÀM LƯỢNG VÀNG
CỦA VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. Xác định hàm lượng vàng

Chuẩn bị mẫu thử theo tiêu chuẩn ISO 11596:2008 kết hợp với một trong các phương pháp thử dưới đây để xác định hàm lượng vàng trong mẫu vàng trang sức, mỹ nghệ:

a) Phương pháp không phá hủy mẫu:

Phương pháp huỳnh quang tia X để xác định nhanh hàm lượng vàng (tuổi vàng) quy định tại tiêu chuẩn TCVN 7055:2002 *Vàng và hợp kim vàng - Phương pháp huỳnh quang tia X để xác định hàm lượng vàng*;

b) Phương pháp phá hủy mẫu:

- Phương pháp Cupellation (nhiệt phân - fire assay) quy định tại tiêu chuẩn ISO 11426:1997 *Xác định hàm lượng vàng trong hợp kim vàng trang sức - Phương pháp Cupellation (nhiệt phân)*;

- Phương pháp ICP - OES quy định tại tiêu chuẩn ISO 15093:2008 *Đồ trang sức - Xác định hàm lượng kim loại quý trong hợp kim vàng trang sức 999‰ vàng, platin và palladi - Phương pháp hiệu số sử dụng quang phổ phát xạ quang học plasma cảm ứng (ICP-OES) đối với mẫu có hàm lượng vàng bằng hoặc lớn hơn 99,9%*.

2. Bảo quản và xử lý mẫu lưu

a) Mẫu vàng trang sức, mỹ nghệ và phần mẫu còn lại (nếu có) sau khi thử nghiệm phải được lưu, bảo quản và bảo đảm an toàn. Thời gian lưu mẫu theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

b) Hết thời hạn lưu mẫu, các mẫu lưu và phần mẫu còn lại (nếu có) sau thử nghiệm phải được tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng niêm phong và gửi trả cơ quan gửi mẫu thử nghiệm.

Việc giao trả mẫu lưu phải được lập thành Biên bản giao trả mẫu lưu (theo Mẫu 8.BBTM quy định tại Phụ lục II Thông tư này) có xác nhận bởi đại diện có thẩm quyền của các bên có liên quan./.

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. Biên bản lấy mẫu, niêm phong mẫu:

- Mẫu 1a. BBLM

22/2013/TT-BKHCN

- Mẫu 1b. PNPM

22/2013/TT-BKHCN.

2. Giấy đăng ký chỉ định thử nghiệm xác định hàm lượng vàng:

Mẫu 2. ĐKCD

22/2013/TT-BKHCN.

3. Danh sách thử nghiệm viên:

Mẫu 3. DSTNV

22/2013/TT-BKHCN.

4. Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn phục vụ thử nghiệm xác định hàm lượng vàng:

Mẫu 4. DMTL-TC

22/2013/TT-BKHCN.

5. Danh mục máy móc, thiết bị và chất chuẩn phục vụ việc thử nghiệm xác định hàm lượng vàng:

Mẫu 5. DMTB-CC

22/2013/TT-BKHCN.

6. Quyết định chỉ định:

Mẫu 6. QĐCD

22/2013/TT-BKHCN.

7. Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng:

Mẫu 7. BCKQTN

22/2013/TT-BKHCN.

8. Biên bản giao trả mẫu lưu:

Mẫu 8. BBTM

22/2013/TT-BKHCN

Mẫu 1a. BBLM
22/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THANH TRA/ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
KIỂM TRA

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN LẤY MẪU

1. Tên, loại, mã ký hiệu vàng trang sức, mỹ nghệ:.....
2. Tên cửa hàng kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ:.....
3. Địa chỉ, điện thoại:.....
4. Phương pháp lấy mẫu:.....
5. Mục đích lấy mẫu:
 - ☐ Kiểm tra lưu thông thị trường
 - ☐ Mục đích khác:..... (các ghi chú cần thiết nếu có).....
6. Lượng mẫu lấy:.....
7. Số niêm phong tương ứng với các mẫu lấy:.....
8. Mẫu lấy có gắn đá quý: ☐ Có ☐ Không
(Trường hợp mẫu lấy có gắn đá quý, đề nghị rõ loại đá quý (ví dụ: kim cương, saphia, ruby...), kích thước, khối lượng của đá quý và các đặc điểm nhận dạng cần thiết).....
9. Mô tả mẫu: (ghi nhận hình dáng, việc đóng mã ký hiệu, khối lượng khai báo, mã hàng... hoặc hình ảnh của mẫu)
10. Mẫu được yêu cầu trả lại nguyên trạng: ☐ Có ☐ Không
Yêu cầu cụ thể:.....
11. Thời gian lưu mẫu:.....
12. Phương pháp thử nghiệm:.....
Yêu cầu khác:..... Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện tổ chức, cá nhân kinh doanh
vàng trang sức, mỹ nghệ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến (ghi cụ thể họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc tên cơ quan nếu có sự chứng kiến của đại diện cơ quan địa phương, công an...)

Mẫu 1b. PNPM
22/2013/TT-BKHCN

PHIẾU NIÊM PHONG MẪU
Theo Biên bản lấy mẫu số..... ngày..... tháng.....năm.....

Tên mẫu:.....

Số niêm phong:.....

Ngày lấy mẫu:.....

Đại diện tổ chức, cá nhân kinh doanh
vàng trang sức, mỹ nghệ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *Phiếu niêm phong được đóng dấu treo của cơ quan thanh tra, kiểm tra.*

Mẫu 2. ĐKCD
22/2013/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH
THỬ NGHIỆM XÁC ĐỊNH HÀM LƯỢNG VÀNG

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tên tổ chức thử nghiệm:.....
2. Địa chỉ liên lạc:.....
Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....
3. Quyết định thành lập (nếu có)/Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số:..... Cơ quan cấp:..... cấp ngày..... tại.....
4. Hồ sơ kèm theo:
-
-

5. Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để được chỉ định thực hiện hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng (*tên chỉ tiêu chất lượng cụ thể có đủ năng lực xin chỉ định thử nghiệm*).

Đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét để chỉ định (*tên tổ chức thử nghiệm*) được hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thử nghiệm được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nêu trên./.

Đại diện Tổ chức thử nghiệm
(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

Mẫu 3. DSTNV
22/2013/TT-BKHCN

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM:.....

DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN THỬ NGHIỆM

STT	Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo thử nghiệm	Kinh nghiệm công tác	Loại hợp đồng lao động đã ký	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
....						
....						

.....(*tên tổ chức thử nghiệm*).... cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện Tổ chức thử nghiệm
(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

Mẫu 4. DMTL-TC
22/2013/TT-BKHCN

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM:.....

DANH MỤC TÀI LIỆU, TIÊU CHUẨN
PHỤC VỤ THỬ NGHIỆM VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

TT	Tên tài liệu	Mã số	Hiệu lực từ	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
....					
....					

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện Tổ chức thử nghiệm
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 5. DMTB-CC
22/2013/TT-BKHCN

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM:.....

**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ CHẤT CHUẨN SỬ DỤNG
PHỤC VỤ VIỆC THỬ NGHIỆM VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

1. Danh mục máy móc, thiết bị

TT	Tên máy móc, thiết bị, số hiệu sản xuất, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Mã số	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng và tình trạng thiết bị	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
....						

2. Danh mục chất chuẩn

TT	Tên chất chuẩn, ký - mã hiệu	Năm sản xuất	Nhà sản xuất và nước sản xuất	Thông số kỹ thuật của chất chuẩn	Giấy chứng nhận chất chuẩn và thời hạn giá trị
1					
2					
3					
...					

.....(tên tổ chức thử nghiệm).... cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện Tổ chức thử nghiệm
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 6. QĐCĐ
22/2013/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-TĐC

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm..... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường;

Theo đề nghị của..... (tên đơn vị thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng được giao nhiệm vụ thẩm xét hồ sơ đăng ký chỉ định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định..... (tên tổ chức thử nghiệm) thuộc..... (tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉ..... thực hiện việc thử nghiệm xác định hàm lượng vàng (tên chỉ tiêu chất lượng cụ thể được chỉ định thử nghiệm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 3 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3...... (tên tổ chức thử nghiệm)..... có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm xác định hàm lượng vàng phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thử nghiệm do mình thực hiện.

Điều 4...... (tên tổ chức thử nghiệm)..... và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Bộ KH & CN (để b/c);
- Lưu VT,.....

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 7. BCKQTN
22/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM XÁC ĐỊNH HÀM LƯỢNG VÀNG
(Từ ngày.... /.../ 20... đến ngày.... /.../20....)

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tên tổ chức thử nghiệm:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

4. Tình hình hoạt động:

..... (tên tổ chức thử nghiệm) báo cáo tình hình hoạt động thử nghiệm xác định hàm lượng vàng được chỉ định từ ngày.../.../20... đến ngày.../.../20... như sau:

a) Tổng số vàng trang sức, mỹ nghệ đã thử nghiệm:

b) Tên, loại vàng trang sức, mỹ nghệ thử nghiệm:

c) Số lượng mẫu không đạt:..... lý do không đạt:.....

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có).

..... (tên tổ chức thử nghiệm) báo cáo để Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng biết./.

Đại diện Tổ chức thử nghiệm
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 8. BBTM
22/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN GIAO TRẢ MẪU LƯU

1. Tên, loại, mã ký hiệu vàng trang sức, mỹ nghệ:.....

2. Tên cơ quan gửi thử nghiệm:.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

3. Tên tổ chức thử nghiệm:.....

Địa chỉ, điện thoại:.....

4. Lượng mẫu gửi thử nghiệm:.....

5. Số niêm phong tương ứng với các mẫu gửi thử nghiệm:.....

6. Mẫu thử nghiệm có gắn đá quý: ☐ Có ☐ Không

(Ghi/mô tả rõ vật gắn lên trên vàng hoặc loại đá quý (ví dụ: kim cương, saphia, ruby.....), kích thước, khối lượng của đá quý và các đặc điểm nhận dạng (có thể chụp ảnh đính kèm nếu có thể)).....

Sau khi kiểm tra, hai bên thống nhất,.... (tên tổ chức thử nghiệm)..... đã giao trả toàn bộ mẫu lưu đã hết thời hạn lưu mẫu và phần còn lại sau thử nghiệm cho..... (tên cơ quan gửi mẫu).

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện cơ quan gửi mẫu
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đại diện tổ chức thử nghiệm
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)